

Bản án số: 119/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 7 năm 2020
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Phan Tấn Tài

2. Bà: Phan Thị Nga

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 393/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông **Châu Văn L1**, sinh năm 1979.

Cư trú: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ K**, sinh năm 1978.

Cư trú: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn ông Châu Văn L1 trình bày: Nguyên đơn ông Châu Văn L1 trình bày: Ông và ông K chung sống với nhau vào năm 2000, không đăng ký kết hôn, hôn nhân do tự tìm hiểu. Vợ chồng chung sống khoảng 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống từ 2015 đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Nay tình cảm không còn tôi xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Châu Văn L2, sinh ngày 01/01/2006 và Châu Văn L3, sinh ngày 10/01/2004 hiện nay con chung do vợ đang nuôi dưỡng, Khi ly hôn đồng ý để vợ tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

* **Bị đơn:** Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ K trình bày: Thời gian chung sống, thời gian ly thân. Nay L1 xin ly hôn, bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Châu Văn L1, sinh ngày 01/01/2006 và Châu Văn L12, sinh ngày 10/01/2004. Hiện con chung đang sống với bà K, khi ly hôn đồng ý nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Châu Văn L1 xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ K. Bà K có nơi cư trú tại ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Ông Châu Văn L1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định; do đó hôn nhân của L1 và bà K là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận bảo vệ. Căn cứ vào Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nghĩ nên không công nhận ông Châu Văn L1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K là vợ chồng.

- *Về quan hệ con chung:* L1 và bà K có 02 con chung tên Châu Văn L2, sinh ngày 01/01/2006 và Châu Văn L3, sinh ngày 10/01/2004 hiện nay con chung do bà K đang nuôi dưỡng, Khi ly hôn L1 và bà K thỏa thuận như sau: bà K tiếp tục nuôi dưỡng cháu Châu Văn L2, sinh ngày 01/01/2006 và Châu Văn L3, sinh ngày 10/01/2004. Bà K yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, L1 không đồng ý cấp dưỡng. Xét thấy yêu cầu của bà K là chính đáng và phù hợp quy định của pháp luật, bà K trực tiếp nuôi dưỡng con chung, L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.600.000đồng/tháng / 02 con cho đến khi con chung trưởng thành được quy định tại Điều 107 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ tài sản chung:* L1 và bà K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ nợ chung:* ghi nhận L1 và bà K trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của L1, bà K trong thời kỳ hôn nhân thì L1 và bà K vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] **Về án phí:** Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 8, 9, 14, 15 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn L1.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận ông Châu Văn L1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K là vợ chồng.

3. *Về quan hệ con chung:* bà Nguyễn Thị Mỹ K tiếp tục nuôi dưỡng cháu Châu Văn L2, sinh ngày 01/01/2006 và Châu Văn L3, sinh ngày 10/01/2004, L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.600.000đồng/02 con/tháng, cho đến khi con chung trưởng thành.

4. *Về quan hệ tài sản chung:* L1 và bà K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về quan hệ nợ chung:* ghi nhận L1 và bà K trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của L1 và bà K trong thời kỳ hôn nhân thì L1, bà K vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* L1 phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm là 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng là 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0008392 ngày 18.5.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. L1 phải nộp thêm là 300.000^d (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Châu Văn L1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Quang Thanh